

Bản án số: 534/2023/HS-PT

Ngày: 10 - 8 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Huynh

Các Thẩm phán: Ông Hà Huy Cầu

Bà Hồ Thị Thanh Thúy

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Phú Cường, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Công Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 404/2023/TLPT-HS ngày 01 tháng 6 năm 2023 đối với bị cáo Nguyễn Văn H. Do có kháng cáo của bị cáo và bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 22/2023/HS-ST ngày 24-4-2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Bị cáo kháng cáo:

Nguyễn Văn H, sinh năm 1972, tại tỉnh Long An; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp 2, xã Nhựt C, huyện B, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: Bảo vệ; Trình độ văn hóa (học vấn): 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1950 và bà Phạm Thị C, sinh năm 1954; Có 05 người em, lớn nhất sinh năm 1974, nhỏ nhất sinh năm 1982; Có vợ tên Trần Thị Tuyết M, sinh năm 1974 và có 02 người con, sinh năm 1996 và năm 2006; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giam từ ngày 20 tháng 12 năm 2021 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Ngô Hoàng Q, Luật sư Văn phòng luật sư Lê Quang Hùng, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Long An. (có mặt)

- **Bị hại:** Huỳnh Thị Cẩm H1, sinh năm 1973; Địa chỉ: Ấp 5, xã Nhựt C, huyện B, tỉnh Long An (có mặt)

- **Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại:** Ông Trần Hữu T1, Luật sư Công ty Luật TNHH MTV Bản Luật thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Trần Thị Tuyết M, sinh năm 1974 (có mặt)

2. Nguyễn Trần Công H2, sinh năm 1996 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp 2, xã Nhựt C, huyện B, tỉnh Long An.

- **Người làm chứng:**

1. Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1950 (xin vắng mặt)

2. Phạm Thị C, sinh năm 1954 (xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp 5, xã Nhựt C, huyện B, tỉnh Long An.

3. Nguyễn Văn B1, sinh năm 1974; Địa chỉ: Ấp 5, xã Nhựt C, huyện B, tỉnh Long An (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vợ chồng Nguyễn Văn H, Trần Thị Tuyết M có thửa đất tại ấp 5, xã Nhựt C, huyện B, tỉnh Long An cần bán, vị trí thửa đất của H có kênh thoát nước và một con đường cặp con kênh gần với nhà của chị Huỳnh Thị Cẩm H1 (là em dâu thứ ba của H). Khoảng 10 giờ ngày 08/11/2021, thông qua sự giới thiệu của chị Nguyễn Ngọc Vân, anh Trần Văn Thắng cùng với chị Vân đi đến vị trí đất của H cần bán để xem. Sau khi xem xong anh Thắng, chị Vân ra về, đến khoảng 12 giờ cùng ngày, anh Thắng chở vợ quay lại xem vị trí đất của H thì gặp chị H1 nên anh Thắng hỏi chị H1 “có thể sử dụng kênh nước và đường không” thì chị H1 trả lời “con kênh thoát nước và đường là của kiến họ của khu vực này nên chắc khó sử dụng được”, nghe vậy anh Thắng gọi chị Vân nói lại sự việc và từ chối không mua đất. Lúc này, chị Vân điện thoại nói lại sự việc trên cho Nguyễn Trần Công H2 (là con ruột của H và chị M). Đến khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, H2 điện thoại cho H nói “Khách đến xem đất thì bị H1 đuổi về”. Nghe xong, H tức giận nên cùng với chị M, H2 điều khiển xe đến nhà gặp chị H1 để hỏi lý do, khi đến căn chòi của H2 thuộc ấp 5, xã Nhựt C, huyện B, tỉnh Long An (cách nhà của chị H1 khoảng 200m và cách nhà ông Nguyễn Văn Đ và bà

Phạm Thị C là cha, mẹ ruột của H khoảng 10m), H vào chòi lấy 01 con dao Thái Lan dài 34 cm (cán dao bằng nhựa màu xanh dài 12cm, lưỡi dao bằng kim loại màu trắng dài 22cm, mũi dao nhọn, lưỡi dao bén) cất giấu trong túi áo khoác của H (khi H lấy con dao cất giấu trong túi áo khoác thì M và H2 không thấy, H cũng không nói cho M và H2 biết). Lấy xong, H, M và H2 đi bộ đến nhà chị H1 nhưng không thấy chị H1 ở nhà nên tất cả quay về thì H nhìn thấy chị H1 đang ở nhà của ông Đ nên H, M và H2 đi qua nhà ông Đ nhìn thấy bà Phạm Thị C, đang ngồi ở ghế đá, ông Đ nằm võng, chị H1 thì đứng ngay ghế đá phía trước nhà, một lúc sau đó bà C đi xuống phía sau nhà để dọn dẹp. Khi thấy H, M, H2 đang đi vào thì chị H1 bỏ đi vào bên trong nhà ông Đ và đứng ngay vị trí cửa sổ 3 của nhà trên (cửa sổ 3 tiếp giáp với nhà dưới) còn chị M và H2 đứng ở vị trí băng đá trước sân gần chỗ ông Đ đang nằm. H tiếp tục đi đến vị trí của chị H1 đang đứng. Khi H và chị H1 đang đứng đối diện và cách nhau khoảng 01m, H hỏi chị H1 lý do đuổi cò đất và khách mua đất của H về, thì giữa H và chị H1 cự cãi với nhau, trong lúc đang cự cãi nhau thì H dùng tay phải kéo dây kéo chiếc áo khoác ra và dùng tay phải lấy con dao từ trong túi áo khoác bên trái ra, cầm dao trong tay phải, mũi dao hướng về trước, đâm liên tiếp 03 cái theo hướng từ dưới lên trên, trúng vào vùng ngực, vùng bụng của chị H1 gây thương tích. Khi đâm cái thứ 3 xong thì chị H1 chụp được lưỡi dao giằng co với nhau làm phần lưỡi dao và cán dao tách rời nhau, H cầm cán dao ném ra ngoài cửa sổ phía trước sân, chị H1 cầm lưỡi dao ném ra phía trước sân gần hồ nước. Thấy vậy, chị M, anh H2 chạy đến can ngăn. Lúc này, bà C từ phía sau nhà đi lên hỏi “Tụi bây làm gì vậy?”, thì H trả lời “Đã đâm con H1 rồi, kêu chồng nó về chở đi cấp cứu giùm”. Nghe vậy, bà C liền chạy ra phía trước sân nói cho ông Đ biết việc H đã đâm H1 nên ông Đ đi vào chửi H, H tức giận đi xuống phía sau nhà ông Đ lấy con dao lên dọa ông Đ thì được chị M ngăn cản và tước con dao từ tay của H bỏ lại trong nhà. Còn chị H1 thì bỏ chạy ra phía trước sân và bị té úp mặt xuống nền xi măng. Lúc này, anh Nguyễn Văn B1 (là chồng chị H1) đến và đưa H1 đi cấp cứu. Sau khi gây án, H, M, H2 đến Công an xã Nhựt C, huyện B, tỉnh Long An để đầu thú về hành vi phạm tội của mình.

Tại Bản kết luận giám định số: 176/TgT.21-PY, ngày 08/12/2021 của Trung tâm pháp y tỉnh Long An, kết luận:

a. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Mặt bên trái có dấu biến đổi sắc tố da vùng gò má trái.
- 01 sẹo vết thương lành vùng vú phải kích thước 04cm x 0,3cm, không ảnh hưởng chức năng hô hấp.
- 01 sẹo vết thương lành vùng hạ sườn phải, kích thước 1,5cm x 0,3cm.

- 01 sẹo phẫu thuật lành đường giữa bụng trên rốn, kích thước 09cm x 0,6cm.
- 01 sẹo vết phẫu thuật dẫn lưu lành vùng dưới gan, kích thước 02cm x 0,3cm.
- 01 sẹo vết phẫu thuật dẫn lưu lành vùng hố chậu phải, kích thước 02cm x 0,3cm.
- Tổn thương cũ (Sẹo xơ) vùng hạ phân thùy IV gan.
- Hiện tại không ghi nhận dịch ổ bụng.

b. Kết luận:

Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y tế quy định tỷ lệ tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần. Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của nạn nhân Huỳnh Thị Cẩm H1 là: 38% (ba mươi tám phần trăm).

Trong quá trình điều tra Cơ quan điều tra thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật; xử lý vật chứng như sau:

Quá trình khám nghiệm hiện trường phát hiện, thu giữ:

- 01 (một) cán dao bằng nhựa màu xanh dài 12cm, rộng 03cm.
- 01 (một) lưỡi dao bằng kim loại màu trắng dài 22cm, rộng 2.6 cm, lưỡi dao bị cong, có dính chất màu đỏ nghi là máu.

Tại bản Cáo trạng số 68/CT-VKSLA-P2 ngày 14 tháng 12 năm 2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn H về tội “Giết người” theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 của Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 22/2023/HS-ST ngày 24-4-2023, Tòa án nhân dân tỉnh Long An quyết định:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội “Giết người”.

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 15, Điều 38, Điều 50, khoản 1 Điều 54, Điều 57 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn H 09 (chín) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 20 tháng 12 năm 2021.

Căn cứ Điều 329 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tiếp tục tạm giam bị cáo Nguyễn Văn H 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để bảo đảm cho việc kháng cáo, kháng nghị và thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự, các Điều 584, 585, 586 và Điều 590 của Bộ luật Dân sự năm 2015, buộc bị cáo Nguyễn Văn H có nghĩa vụ bồi thường tiếp cho bị hại Huỳnh Thị Cẩm H1 số tiền tổng cộng là 69.443.673 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 25/4/2023, bị hại Huỳnh Thị Cẩm H1 có đơn kháng cáo yêu cầu hủy một phần bản án sơ thẩm do bỏ lọt người phạm tội là bà Trần Thị Tuyết M, ông Nguyễn Trần Công H2 và xem xét mức bồi thường thiệt hại cho bị hại.

Ngày 05/5/2023, bị cáo Nguyễn Văn H có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Nguyễn Văn H trình bày: Bị cáo thừa nhận thừa nhận nguyên nhân bị cáo đâm bị hại là do mâu thuẫn dồn nén từ trước cùng với việc ngày xảy ra vụ án bị hại có hành vi ngăn cản bị cáo chuyển nhượng đất. Khi đâm bị hại bị cáo chỉ nhằm vào bụng và đâm liên tiếp vào bụng của bị hại chứ không biết đâm mấy nhát, chỉ sau này tại cơ quan điều tra bị cáo mới biết là đâm bị hại 3 nhát. Ngoài ra, bị cáo đã tác động gia đình bồi thường thêm cho bị hại 15.000.000 đồng. Ngoài số tiền Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị cáo bồi thường cho bị hại, bị cáo đồng ý tự nguyện bồi thường thêm cho bị hại 30.556.327 đồng nữa. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Luật sư Ngô Hoàng Q trình bày: Theo Công văn số 100/TANDTC-PC ngày 13/6/2023 của Tòa án nhân dân tối cao thì cần phải xem xét hành vi của bị cáo có côn đồ, có quyết liệt hay không; bị cáo có mong muốn bị hại chết hay không để xác định đúng tội danh. Trong vụ án này, bị cáo có hành vi dùng dao tấn công vào vùng trọng yếu của bị hại nhưng bản thân bị cáo có nhân thân tốt, nguyên nhân phạm tội do mâu thuẫn đất đai kéo dài không được giải quyết; hành vi của bị cáo không quyết liệt thể hiện qua việc sau khi đâm bị hại bị cáo

đã nói gia đình đưa bị hại cấp cứu. Do đó, hành vi của bị cáo chỉ là cố ý gây thương tích chứ không phải là giết người. Ngoài ra, sau khi xử sơ thẩm, bị cáo đã tác động gia đình bồi thường thêm 15.000.000 đồng cho bị hại. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo tự nguyện bồi thường thêm cho bị hại 30.556.327 đồng ngoài số tiền Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị cáo bồi thường. Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận các tình tiết này, chuyển tội danh từ “Giết người” thành “Cố ý gây thương tích” và giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bà Huỳnh Thị Cẩm H1 trình bày: Bị hại không kháng cáo đối với tội danh và hình phạt của bị cáo mà chỉ kháng cáo đối với việc cấp sơ thẩm bỏ lọt người phạm tội là bà Trần Thị Tuyết M và ông Nguyễn Trần Công H2 vì bị cáo H thực hiện hành vi phạm tội có sự giúp sức của của bà M và ông H2, cụ thể là bà M nắm đầu còn ông H2 khóa tay bị hại để bị cáo dùng dao đâm bị hại. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử làm rõ hành vi của bà M, ông H2 để xem xét xử lý trong vụ án này. Về vấn đề bồi thường thiệt hại, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Luật sư Trần Hữu T1 trình bày: Thống nhất với tội danh và điều luật mà Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo. Tuy nhiên, tại các biên bản ghi lời khai của ông Đ và bà C có nhiều mâu thuẫn, bà C khai không biết ai gây thương tích cho bà H1, ông Đ cũng đứng gần nhưng lại khai không biết ai gây thương tích cho bà H1 là không phù hợp thực tế. Ngoài ra, ông Đ có lời khai mâu thuẫn, lúc thì khai dẫn bà H1 đi cấp cứu lúc thì khai dẫn bị cáo đến công an. Những người làm chứng khai không thấy, không biết sự việc là không đúng do họ đứng rất gần nơi xảy ra vụ án. Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích của bà H1 thể hiện có mẻ răng và vết thương vai, phù hợp lời khai của bà H1 bị H2 đập do đó cần làm rõ cơ chế hình thành các vết thương như thế nào. Với sức của bà H1 nếu bị cáo H một mình thì không đâm liên tục 3 nhát dễ dàng như vậy. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm để điều tra làm rõ hành vi của bà M ông H2. Về vấn đề bồi thường thiệt hại, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bà Trần Thị Tuyết M, ông Nguyễn Trần Công H2 thống nhất trình bày: Bà M, ông H2 không có mặt tại hiện trường khi xảy ra vụ án và không tham gia giúp sức cho bị cáo Hào đâm bị hại H1. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà H1.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm: Đối với kháng cáo của bị cáo cho rằng chỉ phạm tội cố ý gây thương tích, bị cáo thừa nhận chỉ vì bị hại nói không cho người mua đất sử dụng đường thoát nước và lối đi làm cho bị cáo không bán được đất mà bị cáo

đã dùng dao tấn công vào vị trí trọng yếu của bị hại liên tiếp nhiều nhất, bị hại không chết là ngoài ý muốn của bị cáo nên Tòa án cấp sơ thẩm xử bị cáo phạm tội “Giết người” theo điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Việc bị cáo báo cho người thân đưa bị hại cấp cứu không phải tình tiết chuyển tội danh của bị cáo. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, từ đó xử phạt bị cáo 09 năm tù là phù hợp nên kháng cáo của bị cáo không có căn cứ chấp nhận.

Đối với kháng cáo của bị hại cho rằng cấp sơ thẩm bỏ lọt người phạm tội là bà Trần Thị Tuyết M và ông Nguyễn Trần Công H2 do bà M nắm đầu, ông H2 khóa tay bị hại để bị cáo đâm bị hại nhưng theo kết quả đối chất và thực nghiệm điều tra không có hành vi này và lời khai của người làm chứng cũng xác định bà M ông H2 không tham gia tấn công bị hại nên kháng cáo này của bà H1 là không có cơ sở.

Đối với việc bồi thường thiệt hại, mức bồi thường mà bản án sơ thẩm buộc bị cáo phải chịu là phù hợp, đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo tự nguyện bồi thường thêm cho bị hại 30.556.327 đồng nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Từ các phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bị cáo và bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an tỉnh Long An, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Văn H đã thừa nhận hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã nêu. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng trong quá trình điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án như: Bản kết luận giám định pháp y về thương tích; Biên bản khám nghiệm hiện trường; Bản ảnh thực nghiệm hiện trường và những chứng cứ khác mà cơ quan điều tra đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án, qua đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm có đủ cơ sở để xác định như sau:

[2.1] Xuất phát từ việc Nguyễn Văn H cho rằng Huỳnh Thị Cẩm H1 có hành vi ngăn cản và đuổi những người đến xem đất của H, nên vào khoảng 13 giờ 30 phút ngày 08/11/2021, Nguyễn Văn H đã lấy 01 con dao Thái Lan dài 34 cm (cán dao bằng nhựa màu xanh dài 12cm, lưỡi dao bằng kim loại màu trắng dài 22cm, mũi dao nhọn, lưỡi dao bén) cất giấu trong túi áo khoác và đi tìm H1. Khi gặp H1 thì giữa H và H1 xảy ra mâu thuẫn nên H lấy con dao từ trong áo khoác ra cầm trên tay phải đâm liên tiếp 03 cái từ dưới lên trúng vào ngực, bụng của H1, với tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là 38%.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo thừa nhận nguyên nhân bị cáo đâm bị hại là do mâu thuẫn dồn nén từ trước cùng với việc ngày xảy ra vụ án, bị hại có hành vi ngăn cản bị cáo chuyển nhượng đất. Khi đâm bị hại bị cáo chỉ nhằm vào bụng và đâm liên tiếp vào bụng của bị hại chứ không biết đâm mấy nhát, sau này tại cơ quan điều tra bị cáo mới biết là đâm bị hại 3 nhát.

[2.2] Hội đồng xét xử xét thấy, chỉ vì mâu thuẫn nhỏ là bị hại H1 nói không cho người mua đất sử dụng đường thoát nước và lối đi, thay vì giữa bị cáo với bị hại có thể giải quyết bằng nhiều phương thức khác nhưng bị cáo lại dùng dao là hung khí nguy hiểm đâm vào ngực, bụng là vùng trọng yếu trên cơ thể mục đích nhằm tước đoạt mạng sống của bị hại, hể hiện tính côn đồ, coi thường pháp luật của bị cáo. Việc bị hại không chết mà bị thương tích 38% là nằm ngoài ý thức chủ quan của bị cáo.

[2.3] Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội “Giết người” theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền bất khả xâm phạm về tính mạng của người khác được pháp luật bảo vệ, đồng thời gây hoang mang trong quần chúng nhân dân và gây mất trật tự trị an tại địa phương; vì vậy cần phải xử lý nghiêm mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo.

Tòa án cấp sơ thẩm khi lượng hình đã xác định bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và áp dụng cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo tác động gia đình bồi thường, khắc phục hậu quả, bị cáo đầu thú, bị cáo được Bộ trưởng Bộ giáo dục tặng Kỷ niệm chương vì sự nghiệp giáo dục, bị cáo đã hoàn thành tốt nghĩa vụ

quân sự, đồng thời áp dụng áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo 09 năm tù, dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng là đúng quy định, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội và hậu quả do hành vi của bị cáo gây ra. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo xuất trình tình tiết bồi thường thêm cho bị hại 15.000.000 đồng và đồng ý bồi thường thêm cho bị hại 30.556.327 đồng. Tuy nhiên, hành vi phạm tội và hậu quả do của bị cáo gây ra là nghiêm trọng, tình tiết này không đủ căn cứ để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[5] Xét kháng cáo của bị hại yêu cầu xem xét trách nhiệm hình sự của bà Trần Thị Tuyết M và ông Nguyễn Trần Công H2.

Lời khai của bị hại trong quá trình điều tra thể hiện trong lúc bà H1 đang đứng trong nhà ông Nguyễn Văn Đ thì bà Trần Thị Tuyết M đi đến vị trí của bà H1 đang đứng và dùng tay (không rõ tay phải hay tay trái) nắm đầu của bà H1, cùng lúc đó anh Nguyễn Trần Công H2 từ bên ngoài sân đi đến vị trí của bà H1 đang đứng và dùng tay (không rõ là tay phải hay tay trái) nắm vào tay phải của bà H1 khóa ra sau lưng, Nguyễn Văn H từ bên ngoài đi vào đến vị trí của bà H1, đứng đối diện và cách nhau khoảng 01m và dùng con dao đâm liên tiếp 03 cái vào vùng ngực, vùng bụng của bà H1 gây thương tích. Khi bà H1 chạy ra bên ngoài thì anh H2 dùng tay (không rõ là tay phải hay tay trái) kéo tay phải của bà H1 lại làm bà H1 bị té úp mặt xuống nền xi măng trước sân nhà và anh H2 dùng chân (không rõ là chân phải hay chân trái) đạp vào má bên trái của bà H1 02 cái. Vừa lúc đó bà M đến và dùng chân (không rõ là chân phải hay chân trái) đạp vào vai (không rõ là vai phải hay vai trái) của bà H1 02 cái.

Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm, bị hại H1 thừa nhận khi bị cáo đâm bị hại đến cái thứ 03 thì bị hại nắm được lưỡi dao và giằng co nên lưỡi dao và cán dao bị tách rời ra, bị hại cầm lưỡi dao ném ra phía trước sân. Trong khi bị hại cũng cho rằng bà M dùng tay nắm đầu, còn anh H2 nắm tay phải của bị hại khóa ra sau lưng thì bị hại không thể dùng tay trái nắm được lưỡi dao và giằng co làm lưỡi dao và cán dao tách rời ra được. Việc bị hại H1 té ngã là do bị hại tự té ngã, ông Đ, bà C không thấy bà M và anh H2 đánh bị hại H1. Hơn nữa, chỉ có lời khai của bị hại còn các tài liệu có trong hồ sơ đều xác định bà M, anh H2 có cùng bị cáo H đi đến nhà ông Đ tìm bị hại H1, việc H có chuẩn bị dao bỏ trong túi áo khoác, bà M, anh H2 không biết. Trong lúc bị cáo H gây thương tích cho bị hại thì cả bà M, anh H2 không có hành vi, lời nói gì thể hiện sự giúp sức. Do đó, lời trình bày của bị hại là không có cơ sở nên cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Long An không xem xét trách nhiệm hình sự đối với bà M và anh H2 là phù hợp nên kháng cáo này của bị hại không có căn cứ chấp nhận.

[6] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và bị hại.

[7] Về mức bồi thường thiệt hại cho bị hại, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các chứng cứ, buộc bị cáo bồi thường cho bị hại 69.443.673 đồng là phù hợp nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bị hại. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo tự nguyện bồi thường cho bị hại thêm số tiền 30.556.327 đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Số tiền bị cáo đã nộp khắc phục tại cấp phúc thẩm là 15.000.000 đồng sẽ được khấu trừ trong giai đoạn thi hành án.

[8] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[9] Án phí hình sự phúc thẩm: do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Nguyễn Văn H phải chịu.

[10] Án phí dân sự phúc thẩm: bị hại Huỳnh Thị Cẩm H1 không phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn H; không chấp nhận kháng cáo của bị hại Huỳnh Thị Cẩm H1. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 22/2023/HS-ST ngày 24-4-2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An đối với phần kháng cáo của bị cáo H và bị hại H1.

2. Tuyên bố: Bị cáo **Nguyễn Văn H** phạm tội “Giết người”.

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 15, Điều 38, Điều 50, khoản 1 Điều 54, Điều 57 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Văn H 09 (chín) năm tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 20 tháng 12 năm 2021.

Tiếp tục tạm giam bị cáo Nguyễn Văn H để bảo đảm thi hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Nguyễn Văn H bồi thường cho bị hại Huỳnh Thị Cẩm H1 thêm số tiền 30.556.327 đồng. Tổng cộng số tiền bị cáo phải bồi thường là 100.000.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ thi hành án thì người phải thi hành án

còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định của pháp luật.

4. Số tiền 15.000.000 đồng bị cáo Nguyễn Văn H đã nộp (do bà Trần Thị Tuyết M nộp thay) theo biên lai thu số 0000335 ngày 03/8/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long An trong quá trình Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết vụ án sẽ được đối trừ trong giai đoạn thi hành án.

5. Án phí hình sự phúc thẩm: bị cáo Nguyễn Văn H phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng.

6. Án phí dân sự phúc thẩm: bà Huỳnh Thị Cẩm H1 không phải chịu.

7. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

8. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- VKSNDCC tại Thành phố Hồ Chí Minh; (1)
- TAND tỉnh Long An; (2)
- VKSND tỉnh Long An; (1)
- Công an tỉnh Long An; (1)
- Sở tư pháp tỉnh Long An; (1)
- Cục THADS tỉnh Long An (1)
- TTG CA tỉnh Long An (1)
- “Đề tổng đạt cho bị cáo”; (1)
- Bị hại (1)
- Lưu hồ sơ vụ án (1), VP (5). 17b. (PPC).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Vũ Ngọc Huỳnh